

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 4 - 2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Oanh

2. Bà Không Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Mai Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1973; dân tộc: Tày; nơi cư trú: Tổ 11, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Bị đơn: Chị Vũ Thị X, sinh năm 1973; dân tộc: Tày; nơi cư trú: Thôn M, xã Q, huyện Bắc Q, tỉnh Hà Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Anh T trình bày: Tôi và chị Vũ Thị X về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, chúng tôi được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, tuy nhiên do không hiểu biết pháp luật nên chúng tôi đã không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chúng tôi về sống chung cùng với bố mẹ tôi tại tổ 11, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang, năm 1993 chúng tôi sinh được một con chung nên cũng không nghĩ đến việc đi đăng ký kết hôn. Đến năm 2003 cả hai vợ chồng tôi cùng đi làm ăn tại Hà Nội, quá trình chung sống vợ

chồng hoà thuận hạnh phúc được 24 năm, nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp và không có sự chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình, dẫn đến trong cuộc sống hằng ngày thường cãi vã lẫn nhau làm tình cảm rạn nứt, kể từ ngày 05/11/2016 vợ tôi đã bỏ đi, tôi đã nhiều lần đi tìm nhưng vợ tôi không trở về nhà. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, có duy trì cũng không hạnh phúc vì giữa hai chúng tôi cũng đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau suốt từ năm 2016 cho đến nay. Chính vì vậy, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Vũ Thị X.

Về phía bị đơn chị Vũ Thị X trình bày: Năm 1992 tôi và anh Nguyễn Anh T về chung sống với nhau như vợ chồng, trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn, lý do không đăng ký kết hôn là do thiếu hiểu biết pháp luật. Sau khi cưới tôi về làm dâu và chung sống với bố mẹ chồng tại tổ 11, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang, đến năm 2003 hai vợ chồng tôi cùng đi làm ăn tại Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 24 năm, từ năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Nguyễn Anh T hay đánh đập chửi mắng, tôi cũng đã tha thứ nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi, khiến tình cảm vợ chồng ngày một rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vì vậy, từ năm 2016 tôi đã bỏ về bên ngoại cư trú và sinh sống, không còn quan tâm đến anh Nguyễn Anh T. Nay anh Nguyễn Anh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có níu kéo cũng không hạnh phúc, tôi và anh T mỗi người sống một nơi đã gần 3 năm và giữa hai chúng tôi cũng không đăng ký kết hôn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi và anh T được ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Nguyễn Anh T và chị Vũ Thị X đều khai nhận quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Kim Chi, sinh ngày 21/8/1993. Hiện nay cháu Chi đã trưởng thành và đã lập gia đình nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phần tài sản chung: Cả hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết.

Do anh Nguyễn Anh T và chị Vũ Thị X lấy nhau không đăng ký kết hôn, nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã tiến hành xác minh và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Anh T và chị Vũ Thị X giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng đã quy định; những người tham gia tố tụng dân sự đều chấp hành và tuân theo đúng pháp luật tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Anh T và chị Vũ Thị X.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Xét đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" của anh Nguyễn Anh T được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Anh T và chị Vũ Thị X về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi về chung sống cùng nhau, năm 1993 anh chị đã có một con chung và sống bên nhau hạnh phúc được 24 năm, nhưng anh chị lại không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, chính vì vậy không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do đó quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Anh T và chị Vũ Thị X là không hợp pháp nên không được pháp luật công nhận. Mặt khác hai anh chị đều thừa nhận quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong cuộc sống gia đình giữa hai vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không có sự chia sẻ, quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên cuộc sống chung không có hạnh phúc, anh chị cũng đã sống mỗi người một nơi và ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Tại phiên tòa anh Nguyễn Anh T và chị Vũ Thị X đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, nên cần áp dụng khoản 2 Điều 53 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Anh T và chị Vũ Thị X.

[3] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống anh Nguyễn Anh T và chị Vũ Thị X đều xác nhận có 01 con chung là cháu Nguyễn Kim C, sinh ngày 21/8/1993 và hiện nay cháu Nguyễn Kim C đã trưởng thành và đã lập gia đình, do đó anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Anh T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng

khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Anh T và chị Vũ Thị X.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Anh T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 0000725 ngày 21 tháng 3 năm 2019.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Q;
- UBND thị trấn V;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Thị Tư